

# Khu Học Chánh Garden Grove

10331 Stanford Avenue Garden Grove, CA 92840 ▪ [www.ggusd.us](http://www.ggusd.us)

Gabriela Mafi, Ed.D., Tổng quản trị khu học chánh ▪ [gmafi@ggusd.us](mailto:gmafi@ggusd.us) ▪ (714) 663-6000



SARC  
2021-22

Bản Báo cáo Tổng  
kết của Trường  
Ấn hành trong năm học 2022-23

## Trường Trung cấp Bell

Các lớp 7-8  
Mã số CDS 30-66522-6028450

Stephanie Bartlett, Hiệu trưởng  
[sbartlett@ggusd.us](mailto:sbartlett@ggusd.us)

12345 Springdale Street  
Garden Grove, CA 92845  
(714) 663-6466

<http://bell.ggusd.us>



### Giới thiệu về trường

Trường Trung cấp Bell là một trong gần 70 trường trong Khu Học Chánh Garden Grove, dạy học sinh từ lớp 7 đến lớp 8 đến từ các thành phố Garden Grove, Stanton, Westminster, Cypress và Anaheim. Lãnh đạo giỏi là điều cần thiết cho một trường có phẩm chất và ở Trường Trung cấp Bell có hiệu trưởng Stephanie Bartlett, là một nhà giáo dục chuyên nghiệp trong 29 năm. Bà được bổ nhiệm làm hiệu trưởng của trường vào năm 2020.



### Bản Báo cáo Tổng kết của Trường

Tuân thủ các quy định của liên bang và tiểu bang, tất cả trường công lập hàng năm đều thực hiện Bản Báo cáo Tổng kết của Trường (School Accountability Report Card, viết tắt là SARC) như là công cụ để phụ huynh và những ai quan tâm biết được về sự tiến triển, kết quả thi và thành tích của trường.

### An toàn trường học

Duy trì môi trường an toàn và trật tự là điều cần thiết cho việc học. Tất cả trường học trong khu học chánh đều đóng kín, và khách đến trường phải lập tức ghi tên tại văn phòng trường trước khi bước vô khuôn viên trường. Ban giám hiệu, giáo viên, cố vấn trường học và giám thị giờ trưa theo dõi việc ra vô trường.

Tất cả trường học đều tổ chức các uỷ ban an toàn trường học và duy trì các kế hoạch toàn diện về an toàn trường học mà được xem xét và cập nhật hàng năm vào đầu năm học. Lần cập nhật và xem xét gần đây nhất với nhân viên trường là vào tháng Mười Một năm 2022. Các kế hoạch an toàn bao gồm các yếu tố như kế hoạch và thao tác trong trường hợp khẩn cấp, các cảnh báo của Bộ Nội An, nội quy của trường và quy định về trang phục đến trường.

Các uỷ ban an toàn trường học, gồm có giáo viên và nhân viên hành chánh, họp để giải quyết những vấn đề về an toàn cho học sinh và nhân viên. Thủ tục thao tác an toàn khi có động đất được phát cho tất cả học sinh và phụ huynh vào đầu năm học. Các buổi thực tập phòng cháy được tổ chức hàng tháng tại mỗi trường tiểu học, ít nhất một năm bốn lần tại mỗi trường trung cấp, và ít nhất một năm hai lần tại mỗi trường trung học. Các buổi thực tập che núp được tổ chức mỗi ba tháng tại mỗi trường tiểu học và ít nhất mỗi học kỳ một lần tại các trường trung cấp và trường trung học. Tất cả các trường học đều thực tập lệnh đóng kín toàn trường mỗi năm một lần.

### Phát triển chuyên môn

Chương trình phát triển chuyên môn của Khu Học Chánh Garden Grove đặt trọng tâm vào cách giảng dạy hữu hiệu dựa trên nghiên cứu, trong đó lồng vào các phương cách tạo khung mẫu và sự khác biệt cho học sinh đủ mọi thành phần. Giáo viên được hỗ trợ áp dụng cách giảng dạy hữu hiệu thông qua sự huấn luyện bao quát và sự hỗ trợ có mục tiêu trong lớp. Việc sử dụng dữ kiện về thành tích của học sinh cũng hỗ trợ đưa ra các mục tiêu và kỳ vọng rõ ràng cho việc soạn thảo kế hoạch huấn luyện tại chức cho giáo viên và phụ tá có kinh nghiệm.

Các buổi hướng dẫn chuyên sâu được tổ chức vào cuối tháng Tám trong tuần lễ trước khi nhập học để trang bị kiến thức mới và nâng cao kỹ năng cho giáo viên, chú tâm vào phương cách hỗ trợ học ngôn ngữ trong các lớp toán, Anh ngữ và các môn khác. Trong suốt năm học, vào sau giờ học và vào những ngày tan học sớm, có các buổi phát triển chuyên môn cho giáo viên để hướng dẫn ngay trong lớp cách giảng dạy cũng như tạo cơ hội để giáo viên hiểu các tiêu chuẩn và chương trình học. Ngoài ra, mỗi năm có một ngày học sinh nghỉ học dành để phát triển chuyên môn cho tất cả giáo viên trung học trong khu học chánh. Giáo viên cộng tác với nhau trong các nhóm có cấp lớp và môn học tương tự trong suốt năm học để chuẩn bị giáo án, phân tích dữ kiện về thành tích và bài làm của học sinh nhằm bảo đảm một chương trình học có phẩm chất cao và nghiêm khắc với kỳ vọng cao cho học sinh.

Giáo viên mới thì được cung cấp một chương trình bao quát huấn luyện giáo viên mới. Cách đứng lớp, chương trình căn bản của khu học chánh, phiếu điểm, các buổi họp phụ huynh-giáo viên, và cách giảng dạy dựa trên nghiên cứu là vài trong số các chủ đề huấn luyện cho giáo viên mới.

Các ngày dành để phát triển chuyên môn	Dữ kiện trong ba năm		
	2020-21	2021-22	2022-23
<b>Số ngày học dành riêng cho việc phát triển chuyên môn và liên tục cải tiến</b>	Ít nhất bốn ngày trước năm học	Ít nhất bốn ngày trước năm học và một ngày trong năm học dành cho trường trung học mà thôi	Ít nhất bốn ngày trước năm học và một ngày trong năm học dành cho trường trung học mà thôi

### Tuyên ngôn sứ mệnh của khu học chánh

Để bảo đảm học sinh thành đạt, chúng tôi sẽ đem lại một kinh nghiệm học nghiêm ngặt và được hỗ trợ nhằm động viên tất cả học sinh đạt kỳ vọng cao.

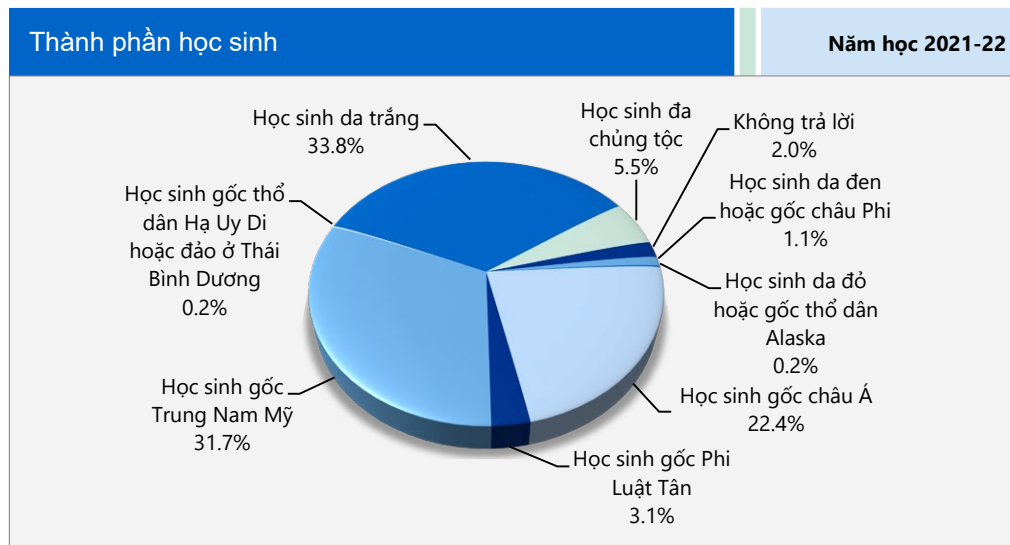
### Tuyên ngôn về viễn kiến của khu học chánh

Chúng tôi cam kết chuẩn bị cho tất cả học sinh trở thành những công dân thành đạt và có trách nhiệm là những người đóng góp và thăng tiến trong một xã hội đa dạng.



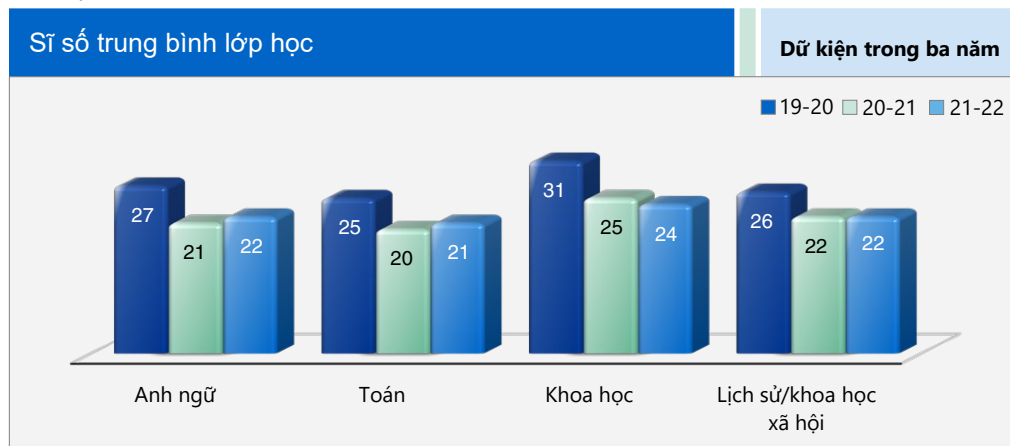
## Số học sinh tính theo nhóm

Trường có tổng số 615 học sinh trong năm học 2021-22. Biểu đồ hình tròn cho thấy tỷ lệ học sinh trong mỗi nhóm.



## Phân bổ theo sĩ số lớp học

Biểu đồ hình thanh cho thấy dữ kiện trong ba năm về sĩ số trung bình lớp học, và bảng cho thấy dữ kiện trong ba năm về số lớp học tính theo sĩ số. Số lớp học cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi phân loại sĩ số (một khoảng tổng số học sinh trong mỗi lớp học). Ở bậc trung học, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.



## Số lớp học tính theo sĩ số

**Dữ kiện trong ba năm**

Môn học	2019-20			2020-21			2021-22		
	Số học sinh								
	1-22	23-32	33+	1-22	23-32	33+	1-22	21-32	33+
Anh ngữ	6	29	3	17	27		15	25	
Toán	7	19	2	16	15		12	16	
Khoa học		15	1	4	14	1	4	13	1
Lịch sử/Khoa học xã hội	4	14	2	11	10	1	7	13	

## Số học sinh tính theo nhóm

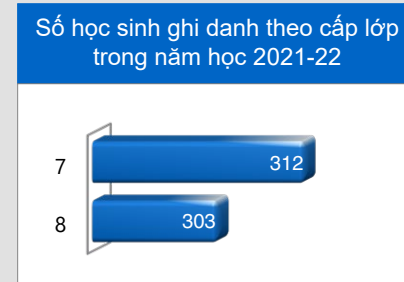
**Thành phần học sinh**

**Năm học 2021-22**

Học sinh nữ	51.10%
Học sinh nam	48.60%
Học sinh không xác định giới tính	0.30%
Học sinh Anh ngữ	3.90%
Học sinh con nuôi	0.30%
Học sinh không nhà	1.00%
Học sinh di cư	0.00%
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	32.80%
Học sinh khuyết tật	12.40%

## Số học sinh ghi danh tính theo cấp lớp

Biểu đồ hình thanh cho thấy tổng số học sinh ghi danh trong mỗi cấp lớp trong năm học 2021-22.



## Đình chỉ học và Đuổi học

Bảng này cho thấy tỷ lệ bị đình chỉ học và bị đuổi học của trường, khu học chánh, và tiểu bang được thu thập từ tháng Bảy đến tháng Sáu, trọn năm học của mỗi năm tương ứng.

Đình chỉ học và Đuổi học			Dữ kiện trong hai năm			
	Trường Trung cấp Bell		GGUSD		California	
	20-21	21-22	20-21	21-22	20-21	21-22
<b>Tỷ lệ bị đình chỉ học</b>	0.0%	3.0%	0.2%	2.9%	0.2%	3.4%
<b>Tỷ lệ bị đuổi học</b>	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	3.2%	0.1%

Lưu ý: Dữ kiện được thu thập trong năm học 2020-21 có thể không so sánh được với những năm trước do có sự khác nhau trong cách học khi phải đối phó với đại dịch COVID-19.

Bảng này cho thấy tỷ lệ bị đình chỉ học và bị đuổi học của trường, khu học chánh, và tiểu bang được thu thập từ tháng Bảy đến tháng Hai, một phần năm học vì đại dịch COVID-19.

Đình chỉ học và Đuổi học			Năm học 2019-20
	Trường Trung cấp Bell		California
	19-20		19-20
<b>Tỷ lệ bị đình chỉ học</b>	1.2%		2.5%
<b>Tỷ lệ bị đuổi học</b>	0.0%		0.1%

Ghi chú: Dữ kiện tỷ lệ bị đình chỉ học và bị đuổi học năm học 2019-20 không thể so sánh với dữ kiện của các năm khác vì năm học 2019-20 chỉ là một phần năm học vì khủng hoảng COVID-19. Cho nên, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ học và bị đuổi học trong năm học 2019-20 với những năm học khác là không thích hợp.

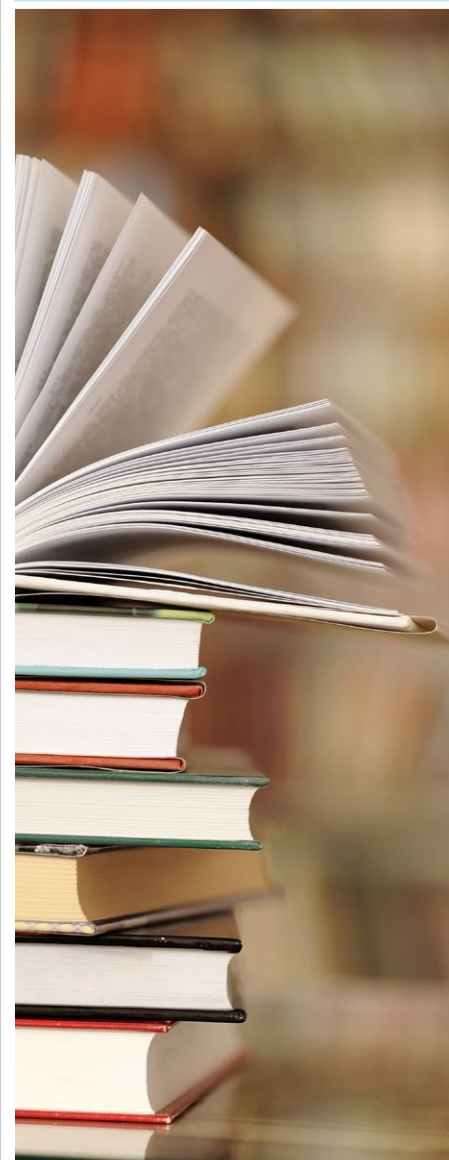
## Đình chỉ học và đuổi học tính theo nhóm học sinh

Đình chỉ học và đuổi học tính theo nhóm học sinh		Năm học 2021-22	
Nhóm học sinh	Tỷ lệ bị đình chỉ học	Tỷ lệ bị đuổi học	
Tất cả học sinh	3.0%	0.0%	
Học sinh nữ	1.6%	0.0%	
Học sinh nam	4.5%	0.0%	
Học sinh không xác định giới tính	0.0%	0.0%	
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	0.0%	0.0%	
Học sinh gốc châu Á	2.1%	0.0%	
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	0.0%	0.0%	
Học sinh gốc Phi Luật Tân	0.0%	0.0%	
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	4.0%	0.0%	
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	0.0%	0.0%	
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	0.0%	0.0%	
Học sinh da trắng	2.8%	0.0%	
Học sinh Anh ngữ	11.8%	0.0%	
Học sinh con nuôi	0.0%	0.0%	
Học sinh không nhà	0.0%	0.0%	
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	6.3%	0.0%	
Học sinh nhận dịch vụ giáo dục di cư	0.0%	0.0%	
Học sinh khuyết tật	4.8%	0.0%	

## Các chương trình của trường

Khu học chánh nhận thêm ngân quỹ cho một số dịch vụ và chương trình đặc biệt. Trong số các chương trình đặc biệt có tại trường có những chương trình sau đây:

- Advanced Via Individual Determination (chương trình thăng tiến bằng quyết tâm cá nhân, viết tắt là AVID)
- Các chương trình học thêm giờ và học hè:
  - ▶ Các lớp kèm học sinh trở ngại sau giờ học
  - ▶ Lớp hè
- Special Education (chương trình giáo dục đặc biệt)



## Trắc nghiệm Thể lực của California

Vào mỗi mùa xuân, tất cả học sinh các lớp 5, 7 và 9 đều phải tham gia Trắc nghiệm Thể lực của California (PFT). Fitnessgram là trắc nghiệm thể lực được Bộ Giáo dục Tiểu bang chọn cho học sinh các trường công lập ở California. Do có những sự thay đổi trong cách điều hành trắc nghiệm PFT trong năm học 2021-22, chỉ có kết quả con số tham gia là phải báo cáo cho năm lãnh vực thể lực.

Khuyến khích và hỗ trợ học sinh tạo thói quen suốt đời vận động thể dục thường xuyên là mục tiêu chính của Fitnessgram. Bảng này cho thấy tỷ lệ học sinh tham gia vào mỗi trong số năm thành phần thể lực trong giai đoạn kiểm tra gần đây nhất. Để biết thêm thông tin chi tiết về Trắc nghiệm Thể lực của California, vui lòng vào [www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/](http://www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/).

Trắc nghiệm Thể lực của California					Năm học 2021-22
Tỷ lệ học sinh tham gia vào mỗi trong số năm thành phần thể lực					
Cấp lớp	Thành phần số 1:	Thành phần số 2:	Thành phần số 3:	Thành phần số 4:	Thành phần số 5:
	Khả năng vận động	Sức mạnh và sức chịu đựng của cơ bụng	Sức mạnh và sự dẻo dai của cơ lưng	Sức mạnh và sức chịu đựng của phần trên cơ thể	Sự dẻo dai
7	95.78%	96.43%	97.08%	95.78%	96.10%

## Sự vắng mặt thường xuyên tính theo nhóm học sinh

Sự vắng mặt thường xuyên tính theo nhóm học sinh					Năm học 2021-22
Nhóm học sinh	Tổng số tích lũy	Tổng số đạt tiêu chuẩn vắng mặt thường xuyên	Con số vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên	
Tất cả học sinh	633	629	94	14.90%	
Học sinh nữ	321	320	47	14.70%	
Học sinh nam	309	306	46	15.00%	
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	1	1	0	0.00%	
Học sinh gốc châu Á	141	139	4	2.90%	
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	7	7	1	14.30%	
Học sinh gốc Phi Luật Tân	19	19	1	5.30%	
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	202	200	42	21.00%	
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	1	1	0	0.00%	
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	35	35	4	11.40%	
Học sinh da trắng	215	215	41	19.10%	
Học sinh Anh ngữ	34	34	5	14.70%	
Học sinh con nuôi	2	2	1	50.00%	
Học sinh không nhà	7	7	1	14.30%	
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	237	235	40	17.00%	
Học sinh nhận dịch vụ giáo dục đi cư	0	0	0	0.00%	
Học sinh khuyết tật	83	82	21	25.60%	

## Sự tham gia của phụ huynh

Có nhiều cơ hội trong khu học chánh để phụ huynh tham gia thông qua các hội phụ huynh hỗ trợ, hội cổ động học sinh, hội đồng nhà trường, và các ủy ban cố vấn cấp khu học chánh.

Phụ huynh ở trường tình nguyện phụ trong lớp, giúp trong các chuyến đi học hỏi thực tế, dự các buổi họp và các sinh hoạt của Hội Phụ huynh (PTA), dự đêm gặp gỡ dịp tựu trường (Back-to-School) và buổi viếng lớp (Open House), và tham gia các đêm sinh hoạt gia đình vui tươi và các đêm hướng dẫn phụ huynh.

Để biết thêm thông tin về cách tham gia ở trường, vui lòng liên lạc Rosemary Clausen, là hội trưởng Hội Phụ huynh, tại [rosemaryclausen@gmail.com](mailto:rosemaryclausen@gmail.com).



## Bảng Thông số Trường học California

Bảng Thông số Trường học California (California School Dashboard, viết tắt là Dashboard) tại <https://www.caschool-dashboard.org/> phản ánh hệ thống mới về trách nhiệm và liên tục cải tiến của California và cung cấp thông tin về cách cơ quan giáo dục địa phương và trường học đáp ứng nhu cầu của thành phần học sinh đa dạng của California. Bảng Thông số có những báo cáo cho thấy thành tích của các cơ quan giáo dục địa phương, trường học, và nhóm học sinh dựa theo tiêu chuẩn của tiểu bang và địa phương nhằm hỗ trợ xác định các điểm mạnh, các khó khăn, và các lãnh vực cần cải thiện.



## Báo cáo SARC trong năm học 2020-21 mà thôi

Khi có lựa chọn có thể thực hiện nhất, các cơ quan giáo dục địa phương phải thực hiện thẩm định tổng kết toàn tiểu bang về môn Anh ngữ và môn toán. Khi thẩm định tổng kết toàn tiểu bang không phải là lựa chọn có thể thực hiện nhất đối với cơ quan giáo dục địa phương (hoặc đối với một hay nhiều cấp lớp trong cơ quan giáo dục địa phương) vì lý do đại dịch, cơ quan giáo dục địa phương được phép báo cáo kết quả lấy từ một thẩm định khác mà đạt tiêu chuẩn do Hội đồng Giáo dục Tiểu bang (State Board of Education, viết tắt là SBE) đề ra vào ngày 16 tháng Ba năm 2021. Các thẩm định phải:

- Theo sát với Tiêu chuẩn Phổ thông Chính của California về môn Anh ngữ và môn toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8, và lớp 11; và
- Được thực hiện thống nhất trong mọi lớp, cấp, trường, hoặc khu học chánh cho tất cả học sinh đủ tiêu chuẩn.

## Các sự lựa chọn

Các Thẩm định Thay thế của California (CAAs) chỉ có thể được thực hiện trực diện nếu tuân theo các quy định về sức khỏe và an toàn. Nếu cơ quan giáo dục địa phương không thể thực hiện trực diện thẩm định CAA khi có các quy định về sức khỏe và an toàn thì được hướng dẫn là không thực hiện các trắc nghiệm. Không có thẩm định nào khác thế cho các thẩm định CAA. Những trường học đã thực hiện Thẩm định Tổng thể Cân bằng Thông minh hơn cho môn Anh ngữ và toán hay các thẩm định khác mà đạt tiêu chuẩn của Hội đồng Giáo dục Tiểu bang, hoặc cả hai, thì chỉ được chọn một trong những thẩm định sau đây:

- Các thẩm định tổng thể Cân bằng Thông minh hơn môn Anh ngữ và môn toán;
- Các thẩm định khác mà đạt tiêu chuẩn của Hội đồng Giáo dục Tiểu bang; hoặc
- Kết hợp các thẩm định tổng thể Cân bằng Thông minh hơn môn Anh ngữ và môn toán và các thẩm định khác.

## Kết quả Trắc nghiệm CAASPP môn Khoa học cho tất cả học sinh (lớp 5, 8, và trung học)

Bảng dưới đây cho thấy tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn Tiểu bang trong Trắc nghiệm Khoa học của California (California Science Test, viết tắt là CAST) và Thẩm định Thay thế của California cho môn Khoa học (California Alternate Assessment for Science, viết tắt là CAA for Science) cho các lớp 5, 8, và một lần trong trung học (ví dụ lớp 10, 11, hoặc 12).

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang	Dữ kiện trong hai năm					
	Trường Trung cấp Bell		GGUSD		California	
Môn học	20-21	21-22	20-21	21-22	20-21	21-22
Khoa học	**	50.51%	❖	36.12%	28.50%	29.47%

## Kết quả Trắc nghiệm CAASPP môn Anh ngữ và môn toán cho tất cả

Bảng dưới đây cho thấy tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn Tiểu bang trong Thẩm định Trình độ và Tiến bộ của Học sinh California (California Assessment of Student Performance and Progress, viết tắt là CAASPP), Các Thẩm định Tổng thể Cân bằng Thông minh hơn (Smarter Balanced Summative Assessments), và Các Thẩm định Thay thế của California (California Alternate Assessments, viết tắt là CAAs) môn Anh ngữ/đọc viết (ELA) và môn toán cho các lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang	Dữ kiện trong hai năm					
	Trường Trung cấp Bell		GGUSD		California	
Môn học	20-21	21-22	20-21	21-22	20-21	21-22
Anh ngữ/đọc viết	*	73%	*	58%	*	47%
Toán	*	60%	*	45%	*	33%

\*\* Trường này không trắc nghiệm học sinh bằng thẩm định CAASPP cho môn khoa học.

❖ Điểm số không được đăng khi có mười học sinh hoặc ít hơn được trắc nghiệm, vì số học sinh trong mục này quá ít để có thống kê chính xác hoặc vì để bảo vệ sự riêng tư của học sinh.

\* Dữ kiện cho năm học 2020-21 không so sánh được với dữ kiện của các năm khác vì có đại dịch COVID-19 trong năm học 2020-21. Khi các thẩm định CAASPP môn Anh ngữ và/hoặc toán không phải là lựa chọn có thể thực hiện nhất, các cơ quan giáo dục địa phương được phép thực hiện các thẩm định cấp địa phương. Do đó, dữ kiện năm học 2020-21 giữa các năm học cho trường, khu học chánh, và tiểu bang không phải là một so sánh chính xác. Vì vậy, không thích hợp để so sánh kết quả của năm học 2020-21 với các năm học khác.

## Các thẩm định toàn tiểu bang

**Các thẩm định toàn tiểu bang** (ví dụ như Hệ thống Thẩm định Trình độ và Tiến bộ của Học sinh California [California Assessment of Student Performance and Progress, viết tắt là CAASPP] bao gồm Các Thẩm định Tổng thể Cân bằng Thông minh hơn [Smarter Balanced Summative Assessments] dành cho học sinh trong chương trình phổ thông và Các Thẩm định Thay thế của California [California Alternate Assessments, viết tắt là CAAs] cho môn Anh ngữ/đọc viết và môn toán từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. Chỉ học sinh đạt tiêu chuẩn mới được tham dự các thẩm định CAAs. Các mục của CAAs phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích thay thế mà được liên kết với Các Tiêu chuẩn Phổ thông Chính của Tiểu bang [Common Core State Standards, viết tắt là CCSS] dành cho học sinh bị khuyết tật nhất về nhận thức.

Hệ thống CAASPP bao gồm các thẩm định và điều kiện để học sinh được tham gia sau đây:

1. **Các Thẩm định Tổng thể Cân bằng Thông minh hơn (Smarter Balanced Summative Assessments) và Các Thẩm định Thay thế của California (CAAs)** cho môn Anh ngữ từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các Thẩm định Tổng thể Cân bằng Thông minh hơn (Smarter Balanced Summative Assessments) và Các Thẩm định Thay thế của California (CAAs)** cho môn toán từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Trắc nghiệm Khoa học của California (California Science Test, viết tắt là CAST) và Các Thẩm định Thay thế của California môn Khoa học (California Alternate Assessments for Science, viết tắt là CAAs for Science)** cho các lớp 5, 8, và một lần trong trung học (ví dụ lớp 10, 11, hoặc 12).

## CAASPP sắp theo nhóm học sinh: Khoa học, Anh ngữ và Toán

Những bảng ở các trang sau cho thấy tỷ lệ học sinh của trường đã đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang môn khoa học, Anh ngữ/đọc hiểu và toán sắp theo nhóm học sinh.

"Tỷ lệ đạt hoặc vượt" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đã đạt hoặc vượt tiêu chuẩn Thẩm định Tổng thể Cân bằng Thông minh Hơn (Smarter Balanced Summative Assessment) cộng với tổng số học sinh đạt tiêu chuẩn Thẩm định Thay thế của California (CAA) rồi chia cho tổng số học sinh tham dự trong cả hai thẩm định.

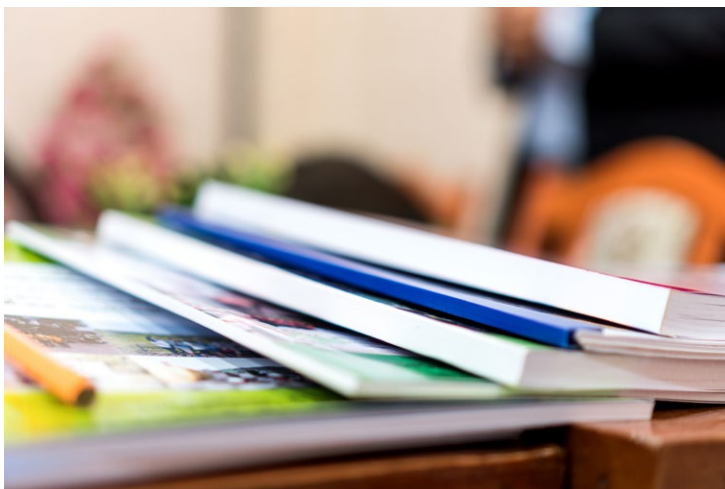
Ghi chú: Số học sinh được trắc nghiệm bao gồm tất cả học sinh đã dự trắc nghiệm cho dù có nhận được kết quả hay không. Tuy nhiên, số học sinh dự trắc nghiệm không phải là con số dùng để tính tỷ lệ mức thành tích. Tỷ lệ mức thành tích chỉ tính số học sinh có nhận được kết quả.



## Kết quả trắc nghiệm CAASPP tính theo nhóm học sinh: môn Khoa học (các lớp 8)

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang					Năm học 2021-22
Khoa học					
Nhóm	Tổng số học sinh	Số học sinh được trắc nghiệm	Tỷ lệ được trắc nghiệm	Tỷ lệ không được trắc nghiệm	Tỷ lệ đạt hoặc vượt
Tất cả học sinh	302	295	97.68%	2.32%	50.51%
Học sinh nữ	153	150	98.04%	1.96%	52.00%
Học sinh nam	148	144	97.30%	2.70%	48.61%
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	63	62	98.41%	1.59%	77.42%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Phi Luật Tân	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	96	93	96.88%	3.12%	41.94%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	20	20	100.00%	0.00%	40.00%
Học sinh da trắng	108	105	97.22%	2.78%	43.81%
Học sinh Anh ngữ	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh con nuôi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh không nhà	❖	❖	❖	❖	❖
Quân đội	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	115	114	99.13%	0.87%	39.47%
Học sinh nhận dịch vụ di cư	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh khuyết tật	34	34	100.00%	0.00%	17.65%

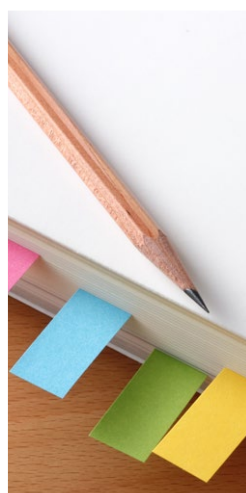
❖ Điểm số không được đăng khi có mười học sinh hoặc ít hơn được trắc nghiệm, vì số học sinh trong mục này quá ít để có thống kê chính xác hoặc vì để bảo vệ sự riêng tư của học sinh.



## Kết quả trắc nghiệm CAASPP tính theo nhóm học sinh: môn Anh ngữ (lớp 7-8)

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang					Năm học 2021-22
Anh ngữ					
Nhóm	Tổng số học sinh	Số học sinh được trắc nghiệm	Tỷ lệ được trắc nghiệm	Tỷ lệ không được trắc nghiệm	Tỷ lệ đạt hoặc vượt
Tất cả học sinh	620	601	96.94%	3.06%	73.04%
Học sinh nữ	316	308	97.47%	2.53%	78.57%
Học sinh nam	301	290	96.35%	3.65%	66.90%
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	138	134	97.10%	2.90%	91.79%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Phi Luật Tân	18	18	100.00%	0.00%	72.22%
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	195	190	97.44%	2.56%	63.16%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	48	47	97.92%	2.08%	70.21%
Học sinh da trắng	212	203	95.75%	4.25%	71.43%
Học sinh Anh ngữ	27	25	92.59%	7.41%	40.00%
Học sinh con nuôi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh không nhà	❖	❖	❖	❖	❖
Quân đội	15	15	100.00%	0.00%	80.00%
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	226	220	97.35%	2.65%	66.36%
Học sinh nhận dịch vụ di cư	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh khuyết tật	76	72	94.74%	5.26%	26.39%

❖ Điểm số không được đăng khi có mười học sinh hoặc ít hơn được trắc nghiệm, vì số học sinh trong mục này quá ít để có thống kê chính xác hoặc vì để bảo vệ sự riêng tư của học sinh.



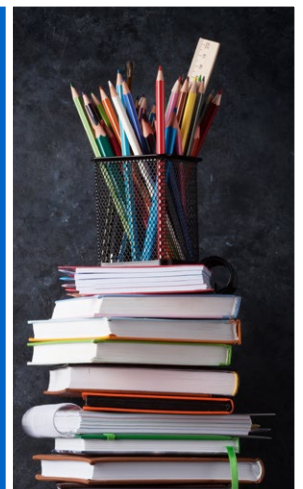
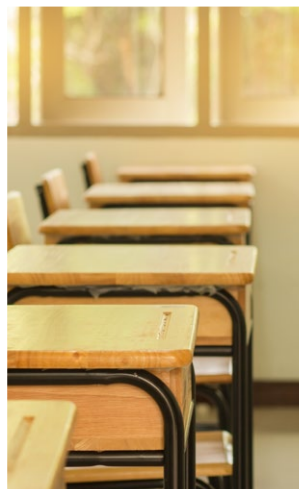




## Kết quả trắc nghiệm CAASPP tính theo nhóm học sinh: môn toán (lớp 7-8)

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang					Năm học 2021-22
Toán					
Nhóm	Tổng số học sinh	Số học sinh được trắc nghiệm	Tỷ lệ được trắc nghiệm	Tỷ lệ không được trắc nghiệm	Tỷ lệ đạt hoặc vượt
Tất cả học sinh	620	602	97.10%	2.90%	60.30%
Học sinh nữ	316	307	97.15%	2.85%	61.89%
Học sinh nam	301	292	97.01%	2.99%	58.56%
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	138	134	97.10%	2.90%	84.33%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Phi Luật Tân	18	18	100.00%	0.00%	55.56%
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	195	189	96.92%	3.08%	49.21%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	48	48	100.00%	0.00%	62.50%
Học sinh da trắng	212	204	96.23%	3.77%	55.39%
Học sinh Anh ngữ	27	26	96.30%	3.70%	26.92%
Học sinh con nuôi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh không nhà	❖	❖	❖	❖	❖
Quân đội	15	15	100.00%	0.00%	60.00%
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	226	220	97.35%	2.65%	53.18%
Học sinh nhận dịch vụ di cư	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh khuyết tật	76	72	94.74%	5.26%	15.28%

❖ Điểm số không được đăng khi có mười học sinh hoặc ít hơn được trắc nghiệm, vì số học sinh trong mục này quá ít để có thống kê chính xác hoặc vì để bảo vệ sự riêng tư của học sinh.





## Sách giáo khoa và học liệu

Sách giáo khoa từ lớp mẫu giáo đến lớp 12 các môn Anh ngữ, toán, lịch sử/khoa học xã hội, sức khỏe, ngoại ngữ, nghệ thuật hình ảnh và trình diễn, và khoa học đã được chọn từ những sách đã được Hội đồng Giáo dục Tiểu bang phê chuẩn. Hội đồng Giáo dục Khu Học Chánh Garden Grove đã chọn sách giáo khoa cho những môn được liệt kê dưới đây. Sách giáo khoa từ lớp mẫu giáo đến lớp 12 các môn toán, lịch sử/khoa học xã hội, khoa học, Anh ngữ (bao gồm môn đọc), và ngoại ngữ theo sát với các tiêu chuẩn nội dung đã được tiểu bang chọn và các khuôn khổ của tiểu bang hoặc liên bang dựa theo lịch trình áp dụng của tiểu bang.

Tất cả học sinh của Khu Học Chánh Garden Grove, kể cả học sinh Anh ngữ, đều có sách giáo khoa và học liệu, bao gồm thiết bị thí nghiệm khoa học ở cấp lớp 9 đến 12 mà trong tình trạng hiện hành và tốt theo đúng quy định của Bộ luật Giáo dục. Tất cả sách giáo khoa và học liệu đều có đủ cho mỗi học sinh dùng trong lớp và đem về nhà.

Danh sách Sách giáo khoa và Học liệu		Năm học 2022-23
Môn học	Sách giáo khoa và học liệu được Hội đồng Giáo dục Tiểu bang hoặc hội đồng giáo dục địa phương phê chuẩn gần đây nhất	Được chọn
Đọc/Anh ngữ	Có—CA Collections, Houghton Mifflin Harcourt	2016-17
Toán 7	Có—Houghton Mifflin Harcourt	2015-16
Toán 8	Có—Houghton Mifflin Harcourt	2015-16
Toán: Đại số 1	Có—McGraw-Hill	2015-16
Toán: Hình học	Có—McGraw-Hill	2015-16
Toán: Tất cả các loại toán khác	Có—McGraw Hill	2015-16
Lịch sử/Khoa học xã hội	Có—Impact, McGraw Hill	2020-21
Khoa học	Có—McGraw Hill California Inspire	2021-22
Nghệ thuật hình ảnh và trình diễn	---	2007-08
Ngoại ngữ	Có—Spanish: Pearson; Heritage Spanish: McGraw Hill	2017-18
Sức khỏe	Có—Goodheart-Wilcox (Supplemental to Science)	2021-22

## Sự sẵn có của sách giáo khoa và học liệu

Sau đây liệt kê tỷ lệ học sinh thiếu sách giáo khoa và học liệu được giao riêng.

Tỷ lệ học sinh thiếu học liệu tính theo thứ tự môn học		Năm học 2022-23
Trường Trung cấp Bell	Tỷ lệ thiếu	
Đọc/Anh ngữ	0%	
Toán	0%	
Khoa học	0%	
Lịch sử/Khoa học xã hội	0%	
Nghệ thuật hình ảnh và trình diễn	0%	
Ngoại ngữ	0%	
Sức khỏe	0%	

## Truy cập Internet công cộng

Những ai không thể truy cập Internet tại nhà có thể sử dụng máy điện toán có nối Internet tại các thư viện công cộng trong Khu Học Chánh Garden Grove để lấy xuống và xem các Bản Báo cáo Tổng kết của Trường. Việc truy cập Internet tại thư viện thường theo quy tắc ai tới trước thì dùng trước. Có các hạn chế sử dụng khác bao gồm giờ mở cửa, thời gian được sử dụng máy (nếu có máy), các loại nhu liệu có trong máy, và khả năng in được tài liệu.

Vui lòng xem dưới đây để biết thông tin liên lạc thư viện của cộng đồng của quý vị.

**Thư viện công cộng Orange County Public Library**  
Điện thoại: (714) 566-3000  
www.ocpl.org

**Thư viện công cộng Anaheim Public Library**  
Điện thoại: (714) 765-1880  
www.anaheim.net/library

**Thư viện công cộng Santa Ana Public Library**  
Điện thoại: (714) 647-5250  
www.santa-ana.org/library

Thư viện công cộng Orange County Public Library phục vụ các thành phố Cypress, Fountain Valley, Westminster, Garden Grove và Stanton trong phạm vi Khu Học Chánh Garden Grove.

## Sự hiện hành của sách giáo khoa

Bảng này cho thấy ngày tổ chức buổi lắng nghe gần đây nhất để thông qua nghị quyết về việc cung cấp đầy đủ học liệu.

### Sự hiện hành của sách giáo khoa

Năm học 2022-23

Ngày thu thập dữ kiện	9/20/2022
-----------------------	-----------

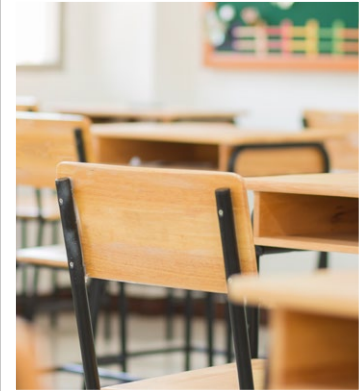




## Tình trạng giữ gìn tốt phòng ốc của trường

Bảng này cho thấy kết quả thanh tra gần đây nhất của trường sử dụng Công cụ Thanh tra Phòng ốc (Facility Inspection Tool, viết tắt là FIT) hoặc mẫu tương tự của trường. Việc thanh tra này nhằm xác định tình trạng giữ gìn tốt phòng ốc của trường với các xếp hạng tốt, trung bình hoặc kém. Phần tóm tắt tổng quát tình trạng phòng ốc sử dụng xếp hạng xuất sắc, tốt, trung bình hoặc kém. Có thể tìm hiểu thêm thông tin về tình trạng phòng ốc của trường bằng cách nói chuyện với hiệu trưởng.

Tình trạng giữ gìn tốt phòng ốc của trường		Năm học 2022-23
Hạng mục được thanh tra	Tình trạng giữ gìn	
<b>Các hệ thống:</b> Rò rỉ khí đốt, cống rãnh, hệ thống cơ khí (sưởi, thông gió và làm lạnh)	Tốt	
<b>Bên trong:</b> Bề mặt bên trong (sàn, trần, tường và khung cửa sổ)	Tốt	
<b>Sự sạch sẽ:</b> Diệt sâu bọ/cháy rận, sạch sẽ toàn diện	Tốt	
<b>Điện:</b> Các hệ thống điện	Tốt	
<b>Nhà vệ sinh/vòi nước:</b> Nhà vệ sinh, bồn và vòi nước uống	Tốt	
<b>An toàn:</b> An toàn cháy nổ, các hệ thống khẩn cấp, vật liệu nguy hiểm	Tốt	
<b>Cấu trúc:</b> Tình trạng cấu trúc, mái nhà	Tốt	
<b>Bên ngoài:</b> Cửa sổ/Cửa ra vào/Cống/Hàng rào, sân chơi/sân trường	Tốt	
<b>Tóm tắt tổng quát tình trạng phòng ốc</b>	Xuất sắc	
<b>Ngày thanh tra trường gần đây nhất</b>	8/11/2022	



## Phòng ốc của trường

*Tiếp theo từ bên trái*

Tiền thu được từ trái phiếu, cộng với tiền tài trợ tương ứng của tiểu bang, đang trang trải cho nhiều dự án sửa sang trường lớp như nâng cấp các hệ thống mạch điện, ống nước, chiếu sáng, mái nhà, liên lạc nội bộ và phòng cháy; cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng; thay cửa ra vào, cửa sổ, và các hệ thống sưởi và thông gió lỗi thời; thay các tấm lót an toàn ở sân chơi; nâng cấp hệ thống viễn thông để thích ứng kỹ thuật hiện tại; thay ống nước, gạch lót sàn và các vật cố định trong nhà vệ sinh; cải tiến trường lớp để người khuyết tật dễ lui tới; chôn các ống ngầm mới để đáp ứng sự phát triển kỹ thuật; thay thảm mới trong phòng học; sơn lại bên trong và bên ngoài trường; và lắp hệ thống ống dẫn khí đốt ngầm mới.

Chúng tôi đã hoàn thành ít nhất một giai đoạn hiện đại hoá ở tất cả 65 trường. Tất cả bảy trường trung học đã được hoàn tất. Trong toàn khu học chánh, các dự án hiện đại hoá được thực hiện đúng thời hạn và trong ngân sách. Vào mùa hè vừa qua, chúng tôi đã gắn thêm máy lạnh và lắp đặt các biện pháp đạt hiệu quả năng lượng cho bốn trường tiểu học cuối cùng. Chúng tôi cảm ơn quý vị kiên nhẫn khi chúng tôi làm việc để bảo đảm rằng tất cả trường học của chúng ta luôn là nơi thành công và thoải mái để học tập và làm việc.

## Phòng ốc của trường

Khu Học Chánh Garden Grove (GGUSD) tiếp tục hành động về việc duy trì phòng ốc tốt để tạo môi trường học tập và làm việc an toàn cho học sinh và nhân viên. Nhân viên trông coi trường và nhân viên bảo trì của khu học chánh tiến hành kiểm tra thường xuyên để bảo đảm tất cả mọi địa điểm đều sạch sẽ, an toàn, được bảo trì tốt và trong tình trạng tốt. Các đội dọn dẹp lưu động được huy động để hỗ trợ dọn dẹp kỹ. Ban Bảo trì đang trong quá trình thực hiện các chương trình bảo trì phòng ngừa để bảo đảm tất cả các trường học đều được giữ ở mức hoạt động hữu hiệu. Tất cả phòng học, sân chơi và nơi làm việc cho học sinh và nhân viên đều đáp ứng các quy định của Bộ luật Giáo dục về sức chứa của phòng ốc.

Hội đồng Giáo dục đã thông qua một chương trình bảo trì trong 5 năm để sửa sang trường lớp, trong khi đó các công trình sửa sang lớn được phê chuẩn hàng năm khi cần. Nhân viên phụ trách xoá hình chữ vẽ bậy giúp giữ cho trường học không có hình chữ vẽ bậy.

Khu Học Chánh Garden Grove luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường sạch sẽ, an toàn để học tập và làm việc. Môi trường của mỗi trường là niềm hạnh phúc của học sinh, nhân viên và phụ huynh. Để bảo đảm phòng ốc được giữ gìn tốt, nhân viên trông coi trường ở mỗi địa điểm thực hiện việc kiểm tra hàng tháng, và ban bảo trì của khu học chánh cố gắng hoàn thành công việc đúng hạn. Một số trường đã trồng các khu vườn riêng, cho phép các dự án được hội phụ huynh học sinh (PTA) lần chương trình Eagle Scout của hội Boys Scouts of America tài trợ, nhằm làm đẹp hơn các ngôi trường trong toàn khu học chánh.

Trường Trung cấp Bell được xây vào năm 1968. Trường có 26 phòng học cố định và 3 phòng học tiền chế. Trường còn có hội trường, phòng sinh hoạt của giáo viên, thư viện-phòng phương tiện truyền thông, phòng máy điện toán, các phòng thay đồ thể dục có tủ khoá, các phòng thực tập nhạc khí và làm thủ công, và các sân bóng chày và sân chơi.

Vào tháng Sáu năm 2010, cử tri của Khu Học Chánh Garden Grove đã bỏ phiếu thuận cho Đạo Luật A, cho phép phát hành trái phiếu công ích trị giá \$250 triệu và tạo điều kiện để khu học chánh đạt tiêu chuẩn nhận tài trợ tương ứng của tiểu bang lên đến \$200 triệu cho các dự án sửa chữa, cải thiện và hiện đại hoá cơ sở hạ tầng quy mô lớn. Như một phần thưởng tài trợ bổ sung, khu học chánh còn nhận được \$47 triệu tài trợ bổ sung cải thiện trường lớp, nâng tổng ngân sách của Đạo luật A lên đến \$503 triệu trong bảy tới tám năm cần thiết để hoàn thành tất cả các dự án do trái phiếu tài trợ. Ngoài ra, Đạo luật P cho phép có thêm \$311 triệu đã được cử tri bỏ phiếu thuận vào năm 2016 mà sẽ giúp cho khu học chánh thực hiện nhiều dự án sửa sang bao gồm nâng cấp khả năng chống động đất, xây các sân vận động thể thao mới, gắn thêm máy lạnh và cải tiến khả năng tiết kiệm năng lượng cho tất cả các trường tiểu học còn lại đến cuối năm 2020.

*Tiếp theo ở thanh bên*



## Sự chuẩn bị và phân công giáo viên

Dữ kiện về giáo viên có trong bản SARC này là từ các năm học 2020-21 và 2021-22. Bảng này cho thấy con số và tỷ lệ cho phép/bổ nhiệm giáo viên cũng như tổng số và tỷ lệ các vị trí giảng dạy ở các cấp trường, khu học chánh, và tiểu bang. Đối với những câu hỏi liên quan đến việc bổ nhiệm giáo viên dạy ngoài lãnh vực chuyên môn hoặc về tình trạng chứng chỉ của giáo viên, hãy vào trang của Ủy ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên California (California Commission on Teacher Credentialing) tại <https://www.ctc.ca.gov/>.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên					Năm học 2020-21	
Sự cho phép/Sự bổ nhiệm	Con số của trường	Tỷ lệ của trường	Con số của khu học chánh	Tỷ lệ của khu học chánh	Con số của tiểu bang	Tỷ lệ của tiểu bang
<b>Được cấp chứng chỉ hoàn toàn (Sơ bộ hoặc toàn bộ) để được phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm đúng cách)</b>	15.9	61.3%	1,441.7	83.1%	228,366.1	83.1%
<b>Người có chứng chỉ thực tập sinh được bổ nhiệm đúng cách</b>	0.0	0.0%	0.5	0.0%	4,205.9	1.5%
<b>Giáo viên không có chứng chỉ và không được bổ nhiệm đúng cách ("không hiệu quả" theo Đạo luật ESSA)</b>	6.7	25.8%	80.7	4.7%	11,216.7	4.1%
<b>Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực ("ngoài lãnh vực" theo Đạo luật ESSA)</b>	0.0	0.0%	8.5	0.5%	12,115.8	4.4%
<b>Không xác định</b>	3.3	12.9%	202.6	11.7%	18,854.3	6.9%
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	25.9	100.0%	1,734.1	100.0%	274,759.1	100.0%

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên					Năm học 2021-22	
Sự cho phép/Sự bổ nhiệm	Con số của trường	Tỷ lệ của trường	Con số của khu học chánh	Tỷ lệ của khu học chánh	Con số của tiểu bang	Tỷ lệ của tiểu bang
<b>Được cấp chứng chỉ hoàn toàn (Sơ bộ hoặc toàn bộ) để được phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm đúng cách)</b>	18.8	69.4%	1,444.6	85.0%	234,405.2	84.0%
<b>Người có chứng chỉ thực tập sinh được bổ nhiệm đúng cách</b>	0.0	0.0%	1.5	0.1%	4,853.0	1.7%
<b>Giáo viên không có chứng chỉ và không được bổ nhiệm đúng cách ("không hiệu quả" theo Đạo luật ESSA)</b>	5.9	21.9%	67.7	4.0%	12,001.5	4.3%
<b>Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực ("ngoài lãnh vực" theo Đạo luật ESSA)</b>	1.3	4.9%	15.4	0.9%	11,953.1	4.3%
<b>Không xác định</b>	1.0	3.7%	170.3	10.0%	15,831.9	5.7%
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	27.1	100.0%	1,699.6	100.0%	279,044.8	100.0%

Ghi chú: Dữ kiện trong các bảng này dựa vào tình trạng tương đương toàn thời gian (Full Time Equivalent, viết tắt là FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên mỗi người làm việc 50 phần trăm toàn thời gian. Ngoài ra, sự bổ nhiệm được định nghĩa là một vị trí mà một nhà giáo được bổ nhiệm dựa vào hoàn cảnh, môn học, và cấp lớp. Sự cho phép được định nghĩa là các dịch vụ mà một nhà giáo được phép cung cấp cho học sinh.

Nguồn dữ kiện là của Hệ thống Trách nhiệm Bổ nhiệm của Tiểu bang California (California State Assignment Accountability System, viết tắt là CalSAAS) do Ủy ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên (Commission on Teacher Credentialing) cung cấp. Để biết thông tin về CalSAAS, hãy vào trang của CALPADS tại <https://www.cde.ca.gov/ds/sp/cl/calpadsupdf201.asp>.

Để biết thêm thông tin về các định nghĩa liệt kê bên trên, hãy tham khảo trang Updated Teacher Equity Definitions tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.





## Giáo viên không có chứng chỉ và không được bổ nhiệm đúng cách

(được coi là “không hiệu quả” theo Đạo luật ESSA)

Bảng này cho thấy tỷ lệ cho phép/bổ nhiệm giáo viên cũng như tổng số giáo viên không có chứng chỉ và không được bổ nhiệm đúng cách ở cấp trường. Đối với những câu hỏi liên quan đến giấy phép, giấy miễn, và việc giáo viên không được bổ nhiệm đúng cách, hãy vào trang mạng của Ủy ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên California (California Commission on Teacher Credentialing) tại <https://www.ctc.ca.gov/>.

Giáo viên không có chứng chỉ và không được bổ nhiệm đúng cách	Dữ kiện trong hai năm	
	2020-21	2021-22
<b>Sự cho phép/Sự bổ nhiệm</b>		
<b>Giấy phép và Giấy miễn</b>	0.0	0.0
<b>Không bổ nhiệm đúng cách</b>	6.7	5.9
<b>Các vị trí còn trống giáo viên</b>	0.0	0.0
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và không được bổ nhiệm đúng cách</b>	6.7	5.9

## Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực

(được coi là “ngoài lãnh vực” theo Đạo luật ESSA)

Bảng này cho thấy tổng số giáo viên và số giáo viên ngoài lãnh vực ở cấp trường.

Để biết thêm thông tin về các định nghĩa liệt kê bên trên, hãy tham khảo cẩm nang bổ nhiệm của quản trị viên Ủy ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên California (California Commission on Teacher Credentialing’s Administrator’s Assignment Manual) tại <https://www.ctc.ca.gov/credentials/manuals>.

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực	Dữ kiện trong hai năm	
Chỉ dấu	2020-21	2021-22
<b>Giáo viên có chứng chỉ được cho phép nhờ vào giấy phép hoặc giấy miễn</b>	0.0	1.2
<b>Các lựa chọn bổ nhiệm địa phương</b>	0.0	0.1
<b>Tổng số giáo viên ngoài lãnh vực</b>	0.0	1.3

## Bổ nhiệm lớp học

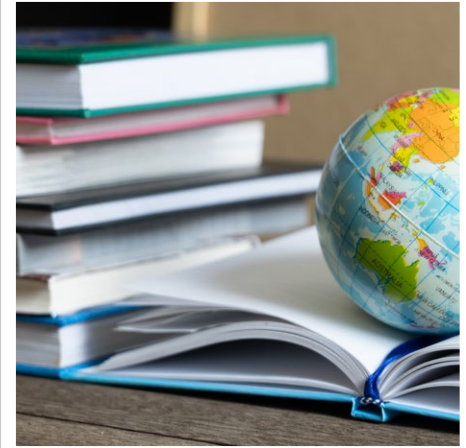
Bảng này cho thấy tổng số giáo viên và số giáo viên ngoài lãnh vực ở cấp trường.

Dữ kiện về việc không bổ nhiệm đúng cách và về vị trí giáo viên còn trống phải có sẵn trong văn phòng nhân sự của khu học chánh.

Bổ nhiệm lớp học	Dữ kiện trong hai năm	
Chỉ dấu	2020-21	2021-22
<b>Không bổ nhiệm đúng cách giáo viên dạy Anh ngữ (là tỷ lệ tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ được dạy bởi giáo viên không được bổ nhiệm đúng cách)</b>	28.0%	20.6%
<b>Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy (là tỷ lệ tất cả các lớp được dạy bởi giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)</b>	0.0%	0.0%

Nguồn dữ kiện là của Hệ thống Trách nhiệm Bổ nhiệm của Tiểu bang California (California State Assignment Accountability System, viết tắt là CalSAAS) do Ủy ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên (Commission on Teacher Credentialing) cung cấp. Để biết thêm thông tin về CalSAAS, hãy vào trang của CALPADS tại <https://www.cde.ca.gov/ds/sp/cl/calpadsupdf201.asp>.

Để biết thêm thông tin về các định nghĩa liệt kê bên trên, hãy tham khảo trang Updated Teacher Equity Definitions tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.



## Cố vấn học tập và Nhân viên yểm trợ nhà trường

Bảng này cho thấy thông tin về các cố vấn học tập và nhân viên yểm trợ ở trường và con số tương đương toàn thời gian (FTE).

Dữ kiện tỷ lệ học sinh so với cố vấn học tập và nhân viên yểm trợ nhà trường	
Năm học 2021-22	
	Tỷ lệ
<b>Học sinh so với cố vấn học tập</b>	630:1
<b>Nhân viên yểm trợ nhà trường</b>	FTE
<b>Cố vấn (học tập, cách giao tiếp xã hội/ứng xử hoặc hướng nghiệp)</b>	1.00
<b>Giáo viên phụ trách các phương tiện truyền thông tại thư viện (quản thủ thư viện)</b>	0.00
<b>Nhân viên phụ trách các dịch vụ phương tiện truyền thông tại thư viện (phụ tá có kinh nghiệm)</b>	0.00
<b>Chuyên viên tâm lý</b>	0.60
<b>Cán sự xã hội</b>	0.00
<b>Y tá</b>	0.25
<b>Chuyên viên chinh phát âm/luyện ngữ/thính giác</b>	0.50
<b>Chuyên viên chương trình giáo dục đặc biệt (không giảng dạy)</b>	0.00



## Dữ kiện tài chính

Dữ kiện tài chính trình bày trong bản SARC này là từ tài khoá năm 2020-21. Thông tin tài khoá mới nhất hiện có do tiểu bang cung cấp luôn chậm hai năm so với năm học hiện tại và một năm so với hầu hết các dữ kiện khác có trong báo cáo này. Để biết thông tin chi tiết về chi phí học đường cho tất cả khu học chánh ở California, hãy vào trang Chi phí giáo dục hiện tại & Chi tiêu cho mỗi học sinh của Bộ Giáo dục California (CDE) tại [www.cde.ca.gov/ds/fd/ec](http://www.cde.ca.gov/ds/fd/ec). Để biết thông tin về lương của giáo viên cho tất cả khu học chánh ở California, hãy vào trang Certificated Salaries & Benefits (Lương & Phúc lợi) của CDE tại [www.cde.ca.gov/ds/fd/cs](http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs). Để tra cứu các khoản chi tiêu và lương bổng của một khu học chánh nào, hãy vào trang mạng Ed-Data tại [www.ed-data.org](http://www.ed-data.org).

## Dữ kiện tài chính của khu học chánh

Bảng này cho thấy thông tin về lương của giáo viên và nhân viên hành chính của khu học chánh và so sánh với mức lương trung bình trong tiểu bang của các khu học chánh tương tự dựa theo bảng lương. Ghi chú: Dữ kiện về lương của khu học chánh không bao gồm các phúc lợi.

Dữ kiện về lương	Tài khoá năm 2020-21	
	GGUSD	Khu học chánh cỡ tương tự
Lương giáo viên mức khởi đầu	\$61,037	\$51,081
Lương giáo viên mức giữa	\$98,794	\$77,514
Lương giáo viên mức cao nhất	\$119,234	\$105,764
Lương trung bình của hiệu trưởng trường tiểu học	\$151,426	\$133,421
Lương trung bình của hiệu trưởng trường trung cấp	\$152,694	\$138,594
Lương trung bình của hiệu trưởng trường trung học	\$173,719	\$153,392
Lương của tổng quản trị	\$307,986	\$298,377
Lương giáo viên: phần trăm ngân sách	34%	32%
Lương nhân viên hành chính: phần trăm ngân sách	4%	5%

## So sánh dữ kiện tài chính

Bảng này cho thấy sự chi tiêu cho mỗi học sinh của trường từ các nguồn không bị giới hạn và lương trung bình của giáo viên của trường và so sánh với dữ kiện của khu học chánh và tiểu bang.

So sánh dữ kiện tài chính	Tài khoá năm 2020-21	
	Chi tiêu cho mỗi học sinh từ các nguồn không bị giới hạn	Lương trung bình hàng năm của giáo viên
Trường Trung cấp Bell	\$6,462	\$104,189
GGUSD	\$7,617	\$101,881
California	\$6,594	\$85,368
Trường và khu học chánh: phần trăm khác biệt	-15.2%	+2.3%
Trường và California: phần trăm khác biệt	-2.0%	+22.0%

Dữ kiện cho bản SARC năm nay do Bộ Giáo dục California và các văn phòng trường và khu học chánh cung cấp. Để có thêm thông tin về các trường và khu học chánh ở California và sự so sánh trường với khu học chánh, quận hạt và tiểu bang, vui lòng vào trang mạng của DataQuest tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest>. DataQuest là nguồn tài liệu trực tuyến cung cấp các bản báo cáo tổng kết, kết quả trắc nghiệm, sĩ số, học sinh tốt nghiệp, học sinh bỏ học, học sinh ghi danh học, việc thuê mượn nhân viên và dữ kiện về học sinh Anh ngữ. Theo điều 35256 của Bộ luật Giáo dục, mỗi khu học chánh sẽ phải có bản in của bản báo cáo được cập nhật hàng năm, khi có yêu cầu, vào hoặc trước ngày 1 tháng Hai.

Tất cả dữ kiện chính xác tính đến tháng Giêng năm 2023.

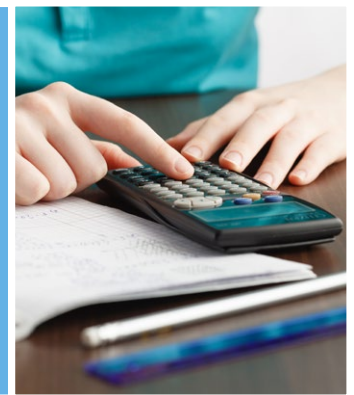
## Dữ kiện tài chính của trường

Bảng sau đây cho thấy lương trung bình của giáo viên của trường và bảng phân tích chi tiêu cho mỗi học sinh của trường từ các nguồn không bị và bị giới hạn.

### Dữ kiện tài chính của trường

#### Tài khoá năm 2020-21

Tổng chi tiêu cho mỗi học sinh	\$10,405
Chi tiêu cho mỗi học sinh từ các nguồn bị giới hạn	\$3,944
Chi tiêu cho mỗi học sinh từ các nguồn không bị giới hạn	\$6,462
Lương trung bình hàng năm của giáo viên	\$104,189



## Chi tiêu cho mỗi học sinh

Các khoản chi tiêu bổ sung/bị giới hạn dùng tiền mà việc sử dụng phải do luật pháp hoặc người tặng cho phép. Tiền mà khu học chánh hoặc hội đồng giáo dục chỉ định cho các mục đích nhất định thì không bị coi là bị giới hạn. Các khoản chi tiêu căn bản/không bị giới hạn là từ nguồn tiền mà việc sử dụng, trừ khi có hướng dẫn tổng quát, không cần phải do luật pháp hoặc người tặng cho phép.

## Bản Báo cáo Tổng kết của Trường

ẤN HÀNH BỞI:

**SIA** School Innovations & Achievement  
www.sia-us.com | 800.487.9234